

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Nguyễn Văn Hiên.**

2. Bà: **Đoàn Lan Phương.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Khả - Kiểm sát viên.**

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2020/HNGĐ-ST ngày 06/8/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **H T M** - Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản **H C**, xã **M T H**, huyện **M C**, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **M A V** (tên gọi khác: **M N V**) - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản **H C**, xã **M T H**, huyện **M C**, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có lý do.

Người phiên dịch: Anh **Hồ A Lang** - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị **H T M** trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh **M A V** sau khi quen biết nhau, muốn được chung sống với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn với nhau. Từ ngày về chung sống với

nhau anh chị chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2018 mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Vàng có mối quan hệ ngoài xã hội không lành mạnh, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đến tháng 10/2018 anh Vàng đi làm thuê mỗi lần đi làm thuê phải đến khoảng 3 đến 4 ngày hôm sau mới về, anh Vàng về được khoảng 1 đến 2 ngày hôm sau lại tiếp tục đi cứ như vậy, trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không nói chuyện với nhau, không còn sinh hoạt chung và không quan tâm đến nhau. Anh Vàng đi làm thuê về cũng không đưa tiền cho chị để nuôi con. Từ năm 2018 đến nay anh Vàng bỏ bê gia đình, không giúp chị làm ăn nuôi dạy con cái mà còn có nhiều mối quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh. Nay chị thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà giải quyết ly hôn cho chị và anh Mùa A Vàng.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu: M A T, sinh năm: 2000; cháu: M T H, sinh ngày 12/11/2003. Đối với Cháu Thanh đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản hòa giải 24/8/2020 nguyên đơn chị H T M, bị đơn anh M A V đã thỏa thuận thống nhất với nhau là giao 01 con chung là cháu M T H (nữ), sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vàng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mỹ. Nay chị không có ý kiến thay đổi, hay bổ sung gì đối với sự thỏa thuận đó.

* Về tài sản chung: Anh chị gồm có những tài sản sau:

- 01 ngôi nhà gỗ 5 gian lập Plo xi măng dựng năm 2010 làm trên diện tích đất khoảng 100 m², đất đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 07/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M, tại thửa đất số: 135, Tờ bản đồ 24 diện tích 691m² Trong đó đất ở là 200 m², đất bằng trồng cây hàng năm khác 491 m². Địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Trị giá ngôi nhà trị giá khoảng 120.000.000 đồng, thửa đất giá trị khoảng 150.000.000 đồng.

- 01 đám đất ruộng gồm 7 thửa với diện tích là 489 m² đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 10/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M; tại địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Trị giá khoảng 150.000.000 đồng.

- 01 đám đất ruộng gồm 5 thửa với diện tích là 223,3 m² đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 10/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M; tại địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Trị giá khoảng 120.000.000 đồng.

- 01 đám đất nương gồm 7 thửa với diện tích là 861,7 m² đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 10/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M; tại địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Trị giá khoảng 180.000.000 đồng.

- 05 con trâu trong đó có: 02 con trâu cái (trâu mẹ) mỗi con trị giá khoảng 35.000.000 đồng, hai con trị giá khoảng 70.000.000 đồng. 03 con trâu con trong đó

có 01 con được hai tuổi trâu cái trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 01 con được ba tuổi trâu cái trị giá khoảng 20.000.000 đồng; 01 được tám tháng tuổi trâu đực trị giá khoảng 8.000.000 đồng.

- 06 con bò trong đó có: 02 con bò cái (bò mẹ) trị giá cả hai con khoảng là 30.000.000 đồng (mỗi con 15.000.000 đồng). 04 con bò con trong đó có: 02 con được 18 tháng tuổi là bò cái trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 02 con bò đực được 09 tháng tuổi trị giá khoảng 10.000.000 đồng.

* Trong đơn khởi kiện về phần tài sản chung chị yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 24/8/2020 chị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau.

* Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh M A V vắng mặt có lý do. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 14/8/2020 cũng như tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2020 bị đơn anh M A V trình bày.

Anh và chị H T M quen biết tự tìm hiểu nhau, muốn được chung sống với nhau, anh chị báo cáo hai bên gia đình, sau đó tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương từ năm 2000, sau khi tổ chức đám cưới anh chị về chung sống với nhau tại Hồ Chim 2, xã Ma Thi Hồ. Anh chị chỉ tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn với nhau. Từ ngày về chung sống với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có việc làm anh đi làm thuê thỉnh thoảng mới về, chị Mỹ nghi ngờ anh có quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh, từ đó giữa vợ chồng không còn tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, thời gian gần đây cuộc tranh cãi giữa vợ chồng càng xảy ra nhiều hơn. Hiện anh chị tuy ở chung một nhà nhưng không còn sinh hoạt chung, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Mỹ đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Mỹ.

Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu M A T Sinh năm: 2000, cháu M T H sinh ngày 12/11/2003. Cháu M A T đủ tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M T H sinh ngày 12/11/2003. Tại biên bản hòa giải 24/8/2020 nguyên đơn chị H T M bị đơn anh M A V đã thỏa thuận thống nhất với nhau là giao 01 con chung là cháu M T H (nữ), sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vàng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mỹ. Nay anh Vàng không có ý kiến thay đổi, hay bỏ sung gì đối với sự thỏa thuận đó.

* Về tài sản chung anh chị có những tài sản sau:

- 01 ngôi nhà gỗ 5 gian lập Pro xi măng dựng năm 2010 làm trên diện tích đất khoảng 100 m², đất đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chúng tôi vào ngày 07/12/2015 mang tên ông M A V bà H T M, tại thửa đất số: 135, Tờ bản đồ 24 diện tích 691m². Trong đó đất ở là 200 m², đất bằng trồng cây hàng năm khác 491 m². Địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh

Điện Biên. Trị giá ngôi nhà trị giá khoảng 120.000.000 đồng, thửa đất giá trị khoảng 150.000.000 đồng.

- 01 đám đất ruộng gồm 7 thửa với diện tích là 489 m² đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 10/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M; tại địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Trị giá khoảng 150.000.000 đồng.

- 01 đám đất ruộng gồm 5 thửa với diện tích là 223,3 m² đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 10/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M; tại địa chỉ bản Hồ Chim 2, xã Ma Thì Hồ, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Trị giá khoảng 120.000.000 đồng

- 01 đám đất nương gồm 7 thửa với diện tích là 861,7 m² đã được UBND huyện Mường Chà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị vào ngày 10/12/2015 mang tên ông M A V, bà H T M; tại địa chỉ bản H C , xã M T H, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Trị giá khoảng 180.000.000 đồng.

- 05 con trâu trong đó có: 02 con trâu cái (trâu mẹ) mỗi con trị giá khoảng 35.000.000 đồng, hai con trị giá khoảng 70.000.000 đồng. 03 con trâu con trong đó có 01 con được hai tuổi trâu cái trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 01 con được ba tuổi trâu cái trị giá khoảng 20.000.000 đồng; 01 được tám tháng tuổi trâu đực trị giá khoảng 8.000.000 đồng.

- 06 con bò trong đó có: 02 con bò cái (bò mẹ) trị giá cả hai con khoảng là 30.000.000 đồng (mỗi con 15.000.000 đồng). 04 con bò con trong đó có: 02 con được 18 tháng tuổi là bò cái trị giá khoảng 15.000.000 đồng; 02 con bò đực được 09 tháng tuổi trị giá khoảng 10.000.000 đồng.

* Tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2020 nguyên đơn chị H T M và bị đơn anh M A V đã thỏa thuận thống nhất được với nhau như sau:

- Về con chung: Anh Vàng, chị Mỹ thỏa thuận thống nhất với nhau là giao 01 con chung là cháu M T H (nữ), sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vàng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mỹ. Anh Vàng không có ý kiến gì thay đổi hay bổ sung thêm gì đối với sự thỏa thuận trên.

- Về tài sản chung: Chị Mỹ rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau. Anh Vàng đồng ý và anh cũng nhất trí là không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu M T H, trình bày nếu bố mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, theo quy định tại

khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Vậy đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H T M và anh M A V. Xét nguyện vọng của cháu Hiền và sự thỏa thuận giữa chị Mỹ và anh Vàng cần giao cháu M T H sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Đối với cháu M A T - Sinh năm: 2000 đã đủ tuổi trưởng thành không xem xét giải quyết. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

Về án phí: Chị H T M là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí cho chị Mỹ là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H T M là nguyên đơn, anh M A V là bị đơn.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản thủ tục tố tụng cho bị đơn anh M A V, trong quá trình giải quyết anh M A V đã có đơn gửi cho Tòa án, đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt vì điều kiện hiện tại anh phải đi làm xa nhà không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được (đề nghị của anh Vàng được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt và tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2020). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh M A V là có cơ sở cần được chấp nhận. Chị H T M có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh M A V theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H T M và anh M A V về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị Mỹ có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia

đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H T M có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H T M và anh M A V.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu M A T Sinh năm: 2000, cháu M T H sinh ngày 12/11/2003.

Tại biên bản hòa giải 24/8/2020 nguyên đơn chị H T M bị đơn anh M A V đã thỏa thuận thống nhất với nhau là giao 01 con chung là cháu M T H (nữ), sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vàng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mỹ. Sự thỏa thuận của anh Vàng và chị Mỹ là tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nguyện vọng của cháu Hiền, do đó cần giao 01 con chung là cháu M T H (nữ), sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vàng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mỹ. Đối với cháu M A T - Sinh năm: 2000 hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh M A V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải 24/8/2020 nguyên đơn chị H T M rút một phần yêu cầu khởi kiện (không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung) bị đơn anh Vàng đồng ý, anh Vàng và chị Mỹ sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy cần được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí: Chị H T M là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ. Áp dụng khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mỹ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H T M và anh M A V.

2. *Về con chung*: Giao cháu M T H (nữ), sinh ngày 12/11/2003 cho chị Mỹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Vàng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Mỹ. Anh M A V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ một phần (Về phần yêu cầu chia tài sản chung) theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nợ: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho chị H T M.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị H T M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/9/2020), anh M A V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình